

1

3. Anh Đoàn Phong H; Trú tại: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Chị V, chị V1 và anh H ủy quyền cho bà Lê Thị T (văn bản ủy quyền ngày 04/4/2017), có mặt.

4. Cụ Võ Thị H; Trú tại: B, P, T, Bình Định.

5. Anh Võ Nhật B; Trú tại: B, P, T, Bình Định.

Cụ H và anh B đều ủy quyền cho ông Võ M; vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; đại diện theo ủy quyền có ông Trần Kỳ Q, chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện; có đơn xin xử vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; đại diện có ông Lê Văn Đ, chức vụ chủ tịch UBND xã, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23.9.2016 và các lời khai, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Năm 1995 hộ gia đình bà được Nhà nước cấp 180m² đất ở tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Ngày 08/5/2001 vợ chồng bà chuyển nhượng cho cụ Võ Thị H (mẹ ông Võ M) và anh Võ Nhật B (con ông M) diện tích 90m² (chiều rộng 4,5m, chiều dài 20m) với giá 5.000.000 đồng. Cũng trong năm 2001 ông M xây dựng nhà ở trên hết phần đất đã mua của vợ chồng bà. Quá trình xây dựng, ông M xin xây một tấm đan cửa sổ diện tích khoảng 3m² về phía đất của vợ chồng bà để che mưa và hứa sẽ tháo dỡ trả lại đất khi gia đình bà cần. Vì tình cảm láng giềng nên gia đình bà đồng ý, nhưng nay ông M lại có ý muốn chiếm đoạt luôn phần đất mà gia đình bà đã cho ông M đặt tấm đan. Tháng 4/2016 gia đình bà muốn sửa lại nhà thì bị vợ chồng ông M ngăn cản, đập phá không cho xây. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã P hòa giải nhưng không thành, vì vậy bà yêu cầu vợ chồng ông Võ M phải tháo dỡ tấm đan, trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình bà và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình bà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 044506 ngày 15/8/2011 mà UBND huyện T cấp cho vợ chồng bà là Đoàn Sơn L và Lê Thị T với diện tích 148m².

Bị đơn ông Võ M, bà Đoàn Thị Thúy Đ trình bày:

Vợ chồng ông bà không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T về việc tháo dỡ tấm đan trả lại phần đất và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc sửa chữa nhà của bà T, vì lý do tấm đan này do ông bà xây dựng từ năm 2001 trên phần đất có diện tích 90 m² (rộng 4,5m x 20m) mà ông bà đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Lê Thị T, ông Đoàn Sơn L vào ngày 08/5/2001 với diện tích 90m². Theo quyết định số 685 ngày 5/12/1995 của UBND huyện T thì gia đình bà T được cấp 180m² đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện T cấp cho hộ gia đình bà T vào năm 2002 diện tích cũng là 180m² vợ chồng bà T chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà 50m² thì còn lại 130m² (6.5m x 20m) nhưng Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất mà UBND huyện T cấp cho gia đình bà T vào năm 2011 với diện tích 148m² là cấp chồng lấn lên diện tích đất của ông bà, do đó ông bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 044506 ngày 15/8/2011 mà UBND huyện T đã cấp cho ông Đoàn Sơn L và bà Lê Thị T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Đoàn Thị Tường V, Đoàn Thị Anh V1 và anh Đoàn Phòng H đều ủy quyền cho bà Lê Thị T đều có ý kiến thống nhất như trình bày và yêu cầu của bà Lê Thị T.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan UBND huyện T do ông Trần Kỳ Q đại diện theo ủy quyền có quan điểm trình bày tại bản tự khai ngày 08/8/2017:

Thửa đất bà Lê Thị T đang sử dụng có nguồn gốc được UBND huyện T giao vào năm 1995 cho hộ ông Đoàn Sơn L và bà Lê Thị T để xây dựng nhà ở theo Quyết định số 685/QĐ-UB ngày 5/12/1995 (có Quyết định giao đất, trích lục bản đồ và Biên bản cắm mốc giao đất) với diện tích là 180m² (chiều dài thửa đất 20m, chiều rộng phía trước 11m, chiều rộng phía sau 7m). Năm 2002 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Sơn L tại thửa 896H tờ bản đồ số 04 diện tích 180m² loại đất ở nông thôn.

Năm 2007 vợ chồng bà T chuyển nhượng 50m² đất ở cho ông Võ M và bà Đoàn Thị Thúy Đ tại Hợp đồng số 46 ngày 29/8/2007, phần đất chuyển nhượng có kích thước (4,5m + 0,5/2 x 20m). Năm 2011 ông Đoàn Sơn L và bà Lê Thị T được UBND huyện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo Dự án Vlap) có số thửa 1009 tờ bản đồ số 10 diện tích 148m² có chiều rộng phía trước là 6,90m. Qua kiểm tra việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Sơn L và bà Lê Thị T tại thửa đất 1009, tờ bản đồ số 10, diện tích 148m², loại đất ở nông thôn, diện tích tăng 18m² so với diện tích ban đầu là 180m² – 50m² = 130m². Nay có tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị T và ông Võ M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trên cơ sở giải quyết của Tòa án, UBND huyện T thực hiện theo quy định pháp luật.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan UBND xã P do ông Nguyễn Thành Đạt đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 1009 tờ bản đồ số 10 diện tích 148m² của bà Lê Thị T và thửa đất số 1012 tờ bản đồ số 10 diện tích 50m² của ông Võ M và bà Đoàn Thị Thúy Đ tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là thửa số 896^H tờ bản đồ số 04 diện tích 180m² (chiều rộng mặt trước 11m, chiều dài 20m) thuộc bản đồ địa chính 299 cũ, được UBND huyện T cấp cho ông Đoàn Sơn L (chồng bà T) vào năm 1997. Trên thực tế, vợ chồng bà T sử dụng diện tích chiều rộng hơn 11m, chiều dài hơn 20m là do lấn chiếm đất có bụi tre, chưa được công nhận. Năm 2001, vợ chồng bà T chuyển nhượng cho vợ chồng ông Võ M 50m² nhưng hai bên chỉ viết giấy tay vì lúc đó ông L, bà T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 29/8/2002 vợ chồng T - L mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 896^H tờ bản đồ số 04 diện tích 180m². Ngày 29/8/2007 hai bên mới làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có xác nhận của UBND xã P

trong đó vợ chồng bà T chuyển nhượng cho vợ chồng ông M, bà Đào 50m² đất (chiều rộng 4,5m). Trên cơ sở đó, năm 2008 ông M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 50m² (chiều rộng phía trước 4,5m; chiều dài 20m).

Hiện nay hai hộ sử dụng diện tích đất đều tăng hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hiện trạng thì nhà bà T xây dựng trước nhà ông M. Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà T với vợ chồng ông M thì chiều rộng phía trước nhà ông là 4,5m nhưng đo đạc 4,9m ông M đã xây nhà hết 4,9m chưa kể phần đánh có tranh chấp. Quan điểm của UBND xã P là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 41/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 163,164,166, 169 và 222 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, 3 và 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bác yêu cầu của bà Lê Thị T đòi vợ chồng ông Võ M, bà Đoàn Thị Thúy Đ phải tháo dỡ tám đánh trả lại 11,2m² đất thuộc thửa đất số 1009 tờ bản đồ số 10 tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định và yêu cầu vợ chồng ông Võ M phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình bà tại thửa đất này.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 044506 ngày 15/8/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho bà Lê Thị T, ông Đoàn Sơn L để cấp lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2017 bà Lê Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Tòa án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của Bà không có căn cứ, đề nghị tòa án phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị T giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Võ M cho rằng đất chiều ngang mặt tiền của ông Võ M hiện nay đang sử dụng thực tế là 4,9m là do ông M lấn về phía Nam, lấn đất của nhà nước, không liên quan đến bà T. Đất của bà T trước đây là 180m², sau khi chuyển nhượng 50m² thì phải còn lại 130m², nhưng hiện nay còn 148m² là sai cần phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T. Diện tích đất tranh chấp 14,5m² là của ông Võ M.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự 2015; về nội dung vụ án thì bản án sơ thẩm không xác định diện tích đất tranh chấp là của ai, do chưa đo

đặc xác định diện tích đất tranh chấp nằm trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ai, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giao về cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử theo quy định chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thừa đất bà Lê Thị T đang sử dụng có nguồn gốc được UBND huyện T, Bình Định giao cho hộ ông Đoàn Sơn L (chồng bà T đã chết) và bà Lê Thị T để xây dựng nhà ở tại Quyết định số 685/QĐ-UB ngày 5/12/1995, với diện tích 180m² (chiều dài thửa đất 20m, chiều mặt trước 11m, mặt sau 7m), khi sử dụng đất thực tế ông L, bà T đã tự sử dụng diện tích lớn hơn. Năm 2001, ông L, bà T chuyển nhượng 90m² đất cho bà Võ Thị H và Võ Nhất B (ông Võ M mua nhưng mẹ ông là bà Võ Thị H và con ông là Võ Nhất B có hộ khẩu đứng tên thay) hợp đồng bằng giấy viết tay, với diện tích là 90m² (dài 20, ngang 4,5m; phía Nam cách bờ đá xây của bà Nguyễn Thị Xuân 0,5m). Năm 2002, ông L và bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 896H, tờ bản đồ số 4, diện tích 180m² đất ở nông thôn. Năm 2007, ông L và bà T làm thủ tục chuyển nhượng hợp pháp (thay cho Giấy viết tay trước đây) cho ông Võ M và bà Đoàn Thị Thúy Đ diện tích 50m² đất ở có kích thước (4,5m+0,5/2x20m) để UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận số H 1122 ngày 22/6/2008 cho ông M và bà Đào. Như vậy, thửa đất ông Võ M và bà Đào sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông L, bà T với diện tích 90m² có kích thước chiều ngang mặt tiền giáp đường là 4,5m, chiều dài 20m, trong đó diện tích đất ở 50m², còn lại là diện tích đất khác 40m² (do ông L bà T lấn chiếm nên không được công nhận).

Ngày 15/8/2011 vợ chồng bà T và ông L được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới có diện tích 148m² tại số thửa 1009 tờ bản đồ số 10 (với các cạnh dài: 23,78m và 20,01m (*giáp đất ông M*); cạnh ngang mặt tiền là 6,90m, mặt hậu là 5,84m). Ngày 15/8/2011 vợ chồng ông Võ M bà Đoàn Thị Thúy Đ cũng được cấp đổi mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 50m² tại số thửa 1012 tờ bản đồ số 10 (với cạnh dài: 20,01m (*giáp đất bà T*) và 20,37m; cạnh ngang mặt tiền là 4,49m, mặt hậu là 0,58m). Như vậy so với ban đầu thì cả hai thửa đất khi được nhà nước thừa nhận mới, đều có chiều ngang mặt tiền giáp đường tăng lên. Cả hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều được cấp cùng ngày và đều ghi rõ vị trí các mốc giới thửa đất bằng điểm tọa độ VN-2000.

[2] Theo kết quả thẩm định hiện trạng sử dụng đất ngày 31/3/2017 và Công văn số 1422/VPĐK ngày 31/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định thì xác định phần đất tranh chấp có chiều ngang 0,54m và 0,91m, chiều dài 20m; trong đó có phần tám danh cửa sổ nhà ông M nhô ra chiều ngang 0,22m, dài 1,6m nằm trong diện tích đất tranh chấp là 14,5m².

Phần diện tích đất đang sử dụng của bà T là $165,9\text{m}^2$ lớn hơn diện tích đất được cấp, trong đó chiều dài trung bình là $25,57\text{m}$, chiều ngang mặt tiền là $7,01\text{m}$ (bao gồm luôn cả phần đất tranh chấp, có tấm đan của ông M), nếu trừ phần đất tranh chấp thì chiều ngang mặt tiền còn là: $7,01\text{m} - 0,54\text{m} = 6,47\text{m}$, trong khi cạnh mặt tiền này trong Giấy chứng nhận là $6,90\text{m}$. Như vậy Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc về bà T đã làm thiệt hại về quyền lợi đã được nhà nước thừa nhận về chiều ngang của thửa đất 1008 đã giao cho bà T. Tuy nhiên, trường hợp chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc về bà T thì cũng không phù hợp vì chiều ngang mặt tiền lại tăng lên $7,01\text{m}$, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M.

Phần đất đang sử dụng của vợ chồng ông M bà Đào thì diện tích đất sử dụng thực tế là 105m^2 lớn hơn diện tích đất được cấp, có kích thước chiều ngang mặt tiền giáp đường đi $4,9\text{m}$ (chưa tính phần đất tranh chấp có tấm đan) đã bằng với chiều ngang được thừa nhận trong Giấy chứng nhận; chiều dài hơn 25m . Như vậy, so với diện tích ban đầu chiều ngang mặt tiền $4,5\text{m}$ (và diện tích 90m^2 sử dụng thực tế) thì ông Võ M và bà Đào đã sử dụng lớn hơn diện tích được nhận từ bà T. Nếu tính cả phần đất chiều ngang đất tranh chấp là $0,54\text{m}$ thì chiều ngang mặt tiền của thửa đất 1012 của ông M là $0,54\text{m} + 4,9\text{m} = 5,44\text{m}$. Như vậy việc xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc về vợ chồng ông M là không phù hợp, bởi phần đan cửa của nhà ông chỉ nhô ra $0,22\text{m}$.

[3] Do hai bên đương sự đều đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay tranh chấp ranh giới nên cần xác định rõ vị trí ranh giới hai thửa đất để sử dụng ổn định cho cả hai bên hộ gia đình. Tấm đan nhà ông M được xây dựng từ năm 2001, trước khi được cấp Giấy chứng nhận và tồn tại từ thời gian đó đến nay. Phần diện tích của tấm đan chỉ nhô ra $0,22\text{m}$ (chiều ngang). Do vậy cần phân chia phần đất tranh chấp, lấy phần biên đầu của tấm đan làm mốc ranh giới, tương ứng với phần đất là $0,22\text{m}$ chiều ngang và 20m chiều dài = $4,4\text{m}^2$ thuộc về thửa đất 1012 của vợ chồng ông Võ M; phần đất tranh chấp còn lại là $0,32\text{m}$ chiều ngang mặt tiền hướng đông giáp đường bê tông, cạnh ngang mặt hậu hướng tây là $0,69\text{m}$ và chiều dài là 20m , tổng là $10,1\text{m}^2$ thuộc về thửa đất 1009 của bà Lê Thị T. Kết quả phân chia sẽ giữ nguyên được tấm đan cho ông Võ M, phần chiều ngang mặt tiền của đất bà T là $6,79\text{m}$, tương đương với số đo của cạnh này trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T. Phần chiều dài diện tích đất tranh chấp được xác định là 20m không ảnh hưởng đến cấu trúc xây dựng của ai theo thực tế. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Do vậy, bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là không có căn cứ, chưa xem xét đầy đủ các tình tiết khách quan của vụ án và không đúng thực tế. Do đó cần sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, chia làm hai phần diện tích đất đang tranh chấp, lấy phần đầu của tấm đan

nhô ra 0,22m là ranh giới, có diện tích đất là $0,22\text{m} \times 20\text{m} = 4,40\text{m}^2$ thuộc về ông M. Phần đất tranh chấp còn lại $10,1\text{m}^2$ của bà T.

Ông Võ M và bà Đào được giữ nguyên danh bê tông có kích thước $0,22\text{m} \times 1,6\text{m} = 0,352\text{m}^2$, nhưng phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc sử dụng đất của bà Lê Thị T trên phần đất đã phân chia cho Bà.

[4] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng bà Lê Thị T và vợ chồng ông Võ M đều cùng một ngày 15/8/2011; có định vị thực tế theo các điểm tọa độ VN2000 được ghi nhận trên Giấy chứng nhận (các Giấy chứng nhận trước đều không có định vị vị trí theo tọa độ). Như vậy thể hiện khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho hai hộ có sự đo đạc thực tế bằng kỹ thuật định vị vệ tinh. Phần đất sau khi phân chia ranh giới như nêu trên đã rõ ràng về ranh giới và không ảnh hưởng đến cấu trúc xây dựng của ông M. Cả hai hộ gia đình đều sử dụng diện tích đất thực tế lớn hơn đất được cấp, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Nguyên nhân sử dụng thực tế lớn hơn là do quá trình sử dụng của đương sự, không thấy có sai sót trong thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Võ M và vợ chồng bà Lê Thị T, nên không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Ông Võ M phải chịu án phí sơ thẩm của phần tranh chấp quyền sử dụng đất không được chấp nhận và 50% chi phí định giá thẩm định; bà Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm của phần yêu cầu quyền sử dụng phần đất tranh chấp không được chấp nhận và 50% chi phí thẩm định, bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Áp dụng Điều 164, Điều 166, Điều 169 và Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đòi vợ chồng ông Võ M, bà Đoàn Thị Thúy Đ hoàn trả phần diện tích đất tranh chấp là $10,1\text{m}^2$, trong đó cạnh hướng nam là 20m giáp đầu biên danh bê tông nhà ông M, cạnh mặt tiền hướng đông là 0,32m giáp đường bê tông, cạnh mặt hậu hướng tây là 0,69m và cạnh hướng bắc 20m giáp đất thửa 1009 của bà T; phần đất tranh chấp này thuộc về bà Lê Thị T trong thửa số 1009 tờ bản đồ số 10 tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Lấy phần biên đầu của tấm đánh làm mốc ranh giới, tương ứng với phần đất là 0,22m chiều ngang và 20m chiều dài, diện tích là 4,4m² có phần tấm đánh thuộc về thửa đất 1012 của vợ chồng ông Võ M sử dụng (*Có sơ đồ hiện trạng kèm theo*).

Vợ chồng ông Võ M phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình bà Lê Thị T tại thửa đất 1009.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 044506 ngày 15/8/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho bà Lê Thị T, ông Đoàn Sơn L.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ M và bà Đoàn Thị Thúy Đ phải chịu 600.000(*sáu trăm nghìn y*) đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 (*hai trăm ngàn y*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002020 ngày 16/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên còn phải nộp tiếp 400.000 (*bốn trăm nghìn y*) đồng.

Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự là 300.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 400.000(*bốn trăm nghìn*) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001940 ngày 6/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Bà T được nhận lại số tiền chênh lệch là 100.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Thị T không phải chịu. Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số N0 08102 ngày 10/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định

4. Chi phí định giá tài sản tổng cộng là 2.500.000 đồng, bà Lê Thị T đã nộp: ông Võ M và bà Đoàn Thị Thúy Đ phải chịu 1.250.000 (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng; bà Lê Thị T phải chịu 1.250.000 (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng. Do bà Lê Thị T đã nộp nên ông Võ M và bà Đoàn Thị Thúy Đ phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 1.250.000 (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng.

5. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKS ND tỉnh Bình Định;
- Cục THA DS tỉnh Bình Định;
- UBND huyện T, Bình Định;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T, Bình Định
- Lưu hồ sơ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long